

TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU BẢN ĐỒ CỔ VIỆT NAM TỪ 1896 ĐẾN NAY

Lê Văn Ất *

Nhận bài: 14/06/2021; Nhận kết quả bình duyệt: 25/06/2022; Chấp nhận đăng: 01/08/2022

©2022 Trường Đại học Thăng Long

Tóm tắt

Bài viết này điểm lại tình hình nghiên cứu về bản đồ cổ Việt Nam của các học giả trong và ngoài nước từ 1896 đến nay (2022). Từ nội dung của bản đồ học, các nghiên cứu ở giai đoạn này tập trung vào các vấn đề như: (1) lý thuyết bản đồ, (2) nghiên cứu lịch sử bản đồ cổ Việt Nam, (3) thư mục học, (4) khảo cứu văn bản bản đồ, (5) phiên dịch và giới thiệu. Kết luận cho thấy các nghiên cứu và thảo luận nhiều nhất tập trung ở các bản đồ cổ, đặc biệt là tập bản đồ Hồng Đức, bản đồ Thăng Long, bản đồ Hoàng Sa... Có thể nói, thành tựu nghiên cứu giai đoạn này là nền tảng vững chắc cho những bước đi đầy hứa hẹn của ngành bản đồ cổ trong tương lai.

Từ khóa: bản đồ học, bản đồ, địa lý.

1. Dẫn nhập

Nghiên cứu bản đồ cổ Việt Nam được thực hiện khá sớm từ cuối thế kỷ 19. Năm 1896 học giả người Pháp là Gustave Dumoutier công bố công trình bằng tiếng Pháp *Étude sur un portulan Annamite du XV siècle* (Nghiên cứu về bản đồ các cửa sông, hải cảng Việt Nam thế kỷ 15) [79]. Dựa vào các bản đồ, sơ đồ cảng Hà Nội cổ thuộc tập bản đồ Hồng Đức để nghiên cứu lịch sử, địa lý thành Thăng Long (thế kỷ XV), nhằm khẳng định tầm quan trọng của Việt Nam trong lưu thông hàng hóa giữa khu vực Đông Nam Á với châu Á và thế giới qua các hải cảng Việt Nam thời đó [29, tr. 545]. Năm 2020 ấn phẩm này đã được dịch và giới thiệu [14]. Có thể nói nghiên cứu này đã mở đầu cho các học giả trong và ngoài nước thảo luận về lịch sử bản đồ cổ Việt Nam.

Trong phạm vi khảo sát bài viết này, từ năm 1896 đến 2019 có tất cả khoảng 97 nghiên cứu về bản đồ cổ Việt Nam đến từ các học giả trong và ngoài nước đã được công bố. Như vậy, bình quân hơn 1 năm mới có một công bố khoa học. Nghiên cứu bản đồ cổ Việt Nam công bố không quá 3 bài viết trong 70 năm đầu, tức là bình quân hơn 20 năm mới có một công trình

nghiên cứu. Giai đoạn này nổi bật với công trình “Phiên âm và chú giải tập *Hồng Đức bản đồ*” (HĐBD) [67]. Đây là công trình đầu tiên giúp ta có cái nhìn rõ ràng về lịch sử bản đồ Việt Nam [87, tr. 478].

Bảng 1. Thống kê công bố khoa học về bản đồ cổ Việt Nam giai đoạn 1896-2019

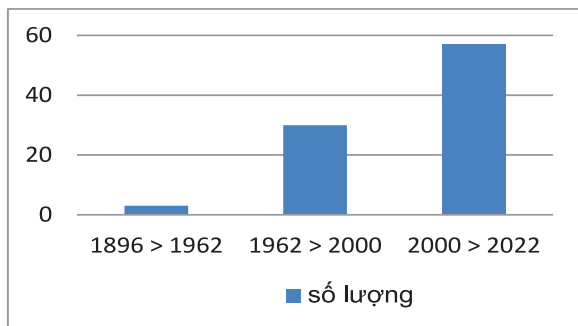
Năm	Số lượng công bố	Bình quân
1896 > 1962	3	20 Năm / 1 công bố khoa học
1962 > 2000	30	1 Năm/ 1 công bố khoa học
2000 > 2022	67	1 Năm/ 3 công bố khoa học

(Nguồn: tác giả tự tổng hợp, 2022)

Trong 40 năm tiếp theo, số lượng bài viết gia tăng rất nhiều với khoảng 30 bài viết, nghĩa là bình quân gần 1 năm có một bài viết được công bố. Giai đoạn này nổi bật với bài viết “*Cartography in Vietnam*” [87]. Đây là công trình nghiên cứu lịch sử bản đồ cũng như nghiên cứu

* Bộ môn Việt Nam học, trường Đại học Thăng Long

tổng thể về bản đồ Việt Nam duy nhất từ trước tới nay. Từ những năm 2000 trở lại đây, có khoảng 64 bài viết được công bố, bình quân hơn 3 công bố khoa học mỗi năm.



(Nguồn: tác giả tự tổng hợp, 2022)

Biểu đồ 1: Số lượng công bố khoa học về bản đồ cổ Việt Nam giai đoạn 1896-2019

Từ nội dung các công trình nghiên cứu giai đoạn này chúng tôi tổng hợp và phân loại thành từng nhóm để thảo luận: 1/ Lý thuyết bản đồ, 2/ Nghiên cứu lịch sử bản đồ học Việt Nam, 3/ Thư mục học bản đồ cổ Việt Nam, 4/ Công trình khảo cứu văn bản bản đồ Việt Nam, 5/ Các công trình phiên dịch và giới thiệu. Các bài viết này sẽ được chúng tôi lần lượt giới thiệu và bình luận trong những phần dưới đây.

2. Lý thuyết bản đồ

Theo các học giả quốc tế hiện nay, nhận thức về địa lý được hình thành dựa trên “hình dung/ cấu tượng”, thông qua phương tiện in ấn đại chúng (đặc biệt là báo chí) dưới ảnh hưởng của chính sách kiến tạo quốc gia dân tộc (nation – building) [11, tr. 65 – 86]. Benedict Anderson được biết đến là người đề xuất quan điểm này trong cuốn *Imagined Communities: Reflections on the Origin and Spread of Nationalism*. (Những cộng đồng tưởng tượng: suy tư về nguồn gốc và sự lan truyền chủ nghĩa dân tộc) [78]. Dựa trên quan điểm này, Thongchai Winichakul công bố cuốn sách *Siam Mapped: A History of a Geo-Body of a Nation* (Nước Xiêm bản đồ hóa: một Lịch sử về địa - thể của quốc gia) [84], trong đó “địa - thể” với nghĩa

rằng nó bao hàm lãnh thổ của một quốc gia được nhận thức bởi các công dân quốc gia đó thông qua các hình ảnh/ hình dung được bản đồ hóa. Khái niệm này khác và đối lập với khái niệm bản đồ trước đó về không gian địa lý [11, tr. 66]. Sau này, khái niệm “địa - thể” của Thongchai được Momoki Shiro vận dụng trong bài viết “Nation and Geo-Body in Early Modern Vietnam: A Preliminary Study through Sources of Geomancy” (Quốc gia và địa thể ở Việt Nam thời hiện đại sơ kỳ: nghiên cứu sơ bộ qua các nguồn tư liệu về thuật phong thủy) [86]. Bài viết này đã dựa trên các nguồn tư liệu địa lý phong thủy của Việt Nam để minh chứng các văn bản phong thủy này như là một công cụ để “hình dung/cấu tượng” về địa thể của Việt Nam.

Năm 2016, Liam C. Kelley, công bố một bài viết với dung lượng 34 trang có nhan đề: “From a Reliant Land to a Kingdom in Asia: Premodern Geographic Knowledge and the Emergence of the Geo-Body in Late Imperial Vietnam” (Từ một lãnh địa phụ thuộc đến một Vương quốc ở châu Á: kiến thức địa lý tiền cận đại và sự trỗi dậy địa thể của Việt Nam thời hậu kỳ đế chế) [83]. Dựa trên văn bản *Nam quốc địa dư* của Lương Trúc Đàm, tác giả kết luận một số sách địa lý và bản đồ Việt Nam ở cuối thế kỷ 19 và đầu thế kỷ 20 đã phản ánh những nhận thức mới về quan niệm địa lý của phương Tây. Một ví dụ khác được ông dẫn thêm là những thuật ngữ địa lý mới trong cuốn sách *Tân đính Nam quốc địa dư giáo khoa*: “Nước ta nằm ở phía Nam của Á Tế Á, Bắc giáp với các tỉnh Vân Nam, Quảng Tây của Chi Na....”, cách dùng địa danh mới như Á Tế Á, Chi Na, Cơ lô Miệt (km) cho thấy nhận thức về địa lý trong sách này đã chịu ảnh hưởng ít nhiều của tri thức phương Tây [83, tr. 33].

Một năm sau (2017), theo dòng quan điểm trên, Trần Trọng Dương đã công bố một bài viết với nhan đề “Bản đồ và tri tạo kiến văn địa lý ở Việt Nam thời tiền cận đại qua mẫu hình nhà Nho và hành đạo Nguyễn Huy Quýnh” [9]. Bài viết này bàn luận về hoạt động tri tạo kiến văn địa lý ở Việt Nam trong quá khứ thông qua trường

hợp *Quảng Thuận đạo sử tập* (QTĐST) của Nguyễn Huy Quỳnh. Tác giả cho rằng hoạt động tri tạo kiến văn địa lý (geographical literacy practice) ở đây được hiểu là ghi chép về địa lý để tạo nên các văn bản sử liệu thể hiện sự nhận thức của chủ thể/tham thể (literacy factor) về một vùng lãnh thổ, hoặc một vùng đất nào đó [9, tr. 73]. Trên cơ sở này, tác giả kết luận “QTĐST là một văn bản tri tạo kiến văn được biên soạn trong môi trường văn hóa Nho giáo, là một sản phẩm thực hành chính trị - thực hành đạo đức. Nguyễn Huy Quỳnh – với tư cách là một literacy factor, tức một chủ thể tri tạo, đã biên soạn tác phẩm này bằng văn tài, bằng sở học như là một thủ pháp của các nhà Nho hành đạo”.^{*}Về sau khái niệm tri tạo kiến văn địa lý này cũng được ứng dụng trong bài viết của Trần Hoàng Vũ [68]. Có thể nói, khái niệm tri tạo kiến văn địa lý là nền tảng cho chính tác giả công bố bài viết liên quan tới địa lý học lịch sử sau này [10], [11], [12], [13].

Nhìn chung, việc bàn luận lý thuyết bản đồ đa phần đến từ các tác giả nước ngoài; hơn nữa cơ bản chỉ bàn một khía cạnh là “Geo - Body”. Ở Việt Nam, ngoài tác giả Trần Trọng Dương ra thì lý thuyết về bản đồ vẫn là một lĩnh vực còn ít được các tác giả khác quan tâm.

3. Nghiên cứu lịch sử bản đồ học Việt Nam

Cartography in Vietnam (Bản đồ học Việt Nam) là một chương trong tập 2 *Cartography in the Traditional East and Southeast Asian Societies* (Bản đồ học trong các xã hội truyền thống ở Đông Nam Á và Đông Á) của bộ *The History of Cartography* (Lịch sử bản đồ học thế giới)

do Nhà xuất bản Đại học Chicago ấn hành năm 1994 [87]. *Bản đồ học trong các xã hội truyền thống ở Đông Nam Á và Đông Á* thảo luận về các vấn đề lịch sử bản đồ các nước Đông Nam Á và Đông Á (gồm Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc và Việt Nam). Sách có độ dày 970 trang, chương *Bản đồ học Việt Nam* chiếm 31 trang và do chuyên gia về lịch sử Việt Nam là John K. Whitmore chấp bút.[†] Hơn một nửa dung lượng của bài viết đề cập tới các bản đồ thuộc tấm bản đồ Hồng Đức và tiến hành sửa chữa những quan niệm sai lầm của Viện Khảo cổ về niên đại và người vẽ *Giáp Ngọ niên bình Nam đồ*, hay quan điểm của Bùi Thiết về những bản đồ thời Lý – Trần [87, tr. 492 - 493]. Trong bài viết này, rất nhiều quan điểm được tác giả nhìn nhận theo bối cảnh lịch sử, đối chiếu quan điểm trong và ngoài nước, như: đặc trưng thành quách trong 13 tấm bản đồ thế kỷ 19 được tác giả so sánh với pháo đài vauban của Pháp [87, tr. 507]; hay góc nhìn lịch sử tôn giáo cũng được tác giả quy chiếu để lý giải “Cách thiết kế bản đồ Việt Nam về cơ bản giống như của Trung Quốc, nó phát triển song song cùng mô hình Nho giáo lấy hình mẫu từ Trung Quốc ở Việt Nam trong giai đoạn từ thế kỷ XV tới XVII” [87, tr. 479]. Mỗi quan hệ giữa văn hóa và bản đồ cũng được tác giả đề cập ở tấm bản đồ Thăng Long “Hình dáng của phần ngoại vi kinh đô không đồng đều và bị chia cắt bởi sông ngòi, hồ nước, thành Thăng Long được xây dựng theo trục Nam – Bắc vốn là hướng kiến trúc quen thuộc của văn hóa Á Đông, bên ngoài bức tường của Thăng Long là tháp Báo Thiên và bên cạnh đó là đàn Nam Giao, đàn tế trời đất mà mọi quốc gia quân chủ ảnh hưởng bởi Nho giáo đều phải có, hàng năm hoàng đế sẽ đến đây tế vào mùa xuân,

^{*}Xem thêm: [11, tr. 66- 72].

[†]John K. Whitmore xuất thân không phải là ngành địa lý, cũng không phải người nghiên cứu bản đồ cổ, mà là nhà nghiên cứu quan tâm đến nhiều lĩnh vực như lịch sử, tôn giáo Việt Nam, đặc biệt là chính trị, tư tưởng nhà Lê. Việc lựa chọn một chuyên gia viết về bản đồ cổ Việt Nam không nhất định phải là một người chuyên gia về bản đồ cũng như là một người xuất thân về ngành địa lý, được xem là lý do J. Brian và David Woodward mời John K. Whitmore viết về

lịch sử bản đồ cổ Việt Nam “chủ trương của J. Brian Harley và David Woodward khác so với những người trước, quan điểm của họ là một quan điểm vĩ mô, họ cho rằng lịch sử bản đồ không những cần nghiên cứu bản đồ thế giới hiện thực, mà còn cần bao quát những vấn đề trên thế giới, bởi vậy họ lựa chọn quan điểm vĩ mô để nhìn lịch sử bản đồ, cho nên họ chẳng cần phải mời các học giả chuyên gia địa đồ học, và hợp tác với các nhà khoa học như lịch sử học, nhân loại học, nghệ thuật học, phê bình học...” [73, tr. 8-9].

bản đồ còn thể hiện đền Bạch Mã, quán Trấn Vũ và Quốc tử giám” [87, tr. 484]. Như vậy, khác với các học giả đi trước, cách tiếp cận bản đồ cổ của tác giả là nhìn từ các mối quan hệ giữa tôn giáo, chính trị và văn hóa với bản đồ. Có thể thấy, phạm trù mà tác giả đề cập là một phạm trù rộng, trong đó lấy bản đồ làm trung tâm nghiên cứu.

Tuy nhiên, công trình này có nhiều quan điểm cần thảo luận thêm, như: *Tổng quát đồ* được tác giả coi là tấm bản đồ sớm nhất hiện còn [87, tr. 482- 483]. Tiêu chí phân loại bản đồ chỉ tập trung vào các bản đồ được người Việt Nam vẽ ra trong khi bản đồ được người nước ngoài trác địa thì không được đề cập tới. Hạn chế về tư liệu bản đồ cũng là yếu tố quan yếu dẫn đến một số luận điểm cần cân nhắc thêm, đơn cử “Việc nghiên cứu và vẽ bản đồ tại Việt Nam chỉ bắt đầu vào khoảng 5 thế kỷ trước” [87, tr. 478]. Thêm nữa bài viết đa phần là tự thuật, phương pháp bình luận và đánh giá còn ít, việc so sánh với các đặc điểm bản đồ các nước trong khu vực còn hạn chế. Bên cạnh đó, việc đề cập tới phong cách cũng như đặc trưng bản đồ hầu như không có. Tuy nhiên, đóng góp của John. K. Whitmore vẫn có ý nghĩa lớn trong ngành bản đồ cổ Việt Nam. Đây cũng là công trình có thành tựu nhất về bản đồ cổ Việt Nam tính đến nay [10, tr. 73]. Về sau công trình này được Hoàng Ứng Huyền dịch, đăng trên *Tạp chí Nghiên cứu và Phát triển* [72].

4. Thư mục học về bản đồ cổ Việt Nam

Một trong những nghiên cứu tiêu biểu về bản đồ học thời kỳ này là thư mục học về bản đồ với hai tác giả chính được cập trong mục này là Trần Văn Giáp và Trần Nghĩa. Năm 1984 Trần Văn Giáp xuất bản một tập sách có nhan đề “*Tìm hiểu kho sách Hán Nôm*” [19]. Phần địa lý trong quyển sách này đề cập và thống kê các tấm bản đồ hiện còn: “1 cuốn *Thiên tải nhân đàm* với 44 tờ bản đồ, 1 cuốn *Bản quốc dư đồ* với 48 bản đồ, 1 cuốn *Bản quốc dư đồ bị lãm* với 2 bản đồ, và 1 cuốn *Bản quốc dư địa đồ lược* với 1 bản đồ” [19, tr. 317 – 384]. Tuy số liệu thống kê này còn khá khiêm tốn, nhưng là cơ sở cho Trần Nghĩa 6 năm sau

(1990) bổ sung trong bài viết “Bản đồ cổ Việt Nam” của mình [34]. Lần đầu tiên bản đồ cổ Việt Nam được thống kê có 49 bản đồ, gấp khoảng 10 lần kết quả thống kê của Trần Văn Giáp, và con số này thể hiện một phần nào diện mạo bản đồ Việt Nam. Chỉ tiếc phạm vi bài viết chỉ đề cập tới các tư liệu tại thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm, mà không đề cập tới các thư viện khác trong nước. Đây có lẽ là một gợi ý dẫn cho việc nghiên cứu thư mục học bản đồ còn khuyết sau này. Ngoài những bản đồ được thống kê ở trong nước, các bản đồ Việt Nam lưu trữ ở nước ngoài cũng được một số tác giả đề cập, như: Nguyễn Thị Oanh [41],[42]; Phan Văn Các[3]; Trần Nghĩa[35];Trịnh Khắc Mạnh[29], [30].Dẫu các thống kê này là đến từ các thư mục thư tịch Hán Nôm nói chung, số lượng các bản đồ được đề cập tới không nhiều. Tuy vậy việc này cũng góp phần làm gia tăng đáng kể tư liệu bản đồ cổ Việt Nam.

Thư mục học ở thế kỷXX của nước ta có vai trò nhất định trong tiến trình nghiên cứu lịch sử bản đồ học sau này. Những công trình nói trên đã đóng góp không nhỏ về tư liệu bản đồ, tạo tiền đề nghiên cứu toàn diện bản đồ học trong tương lai.

5. Khảo cứu văn bản bản đồ

Từ nội dung các bài viết mà chúng tôi thu thập liên quan tới nghiên cứu văn bản bản đồ, dễ dàng nhận thấy rằng, nhóm các nghiên cứu về văn bản bản đồ chiếm khối lượng đáng kể. Hơn nữa các nội dung của những nghiên cứu đó khá phong phú, và sẽ được lần lượt giới thiệu như sau:

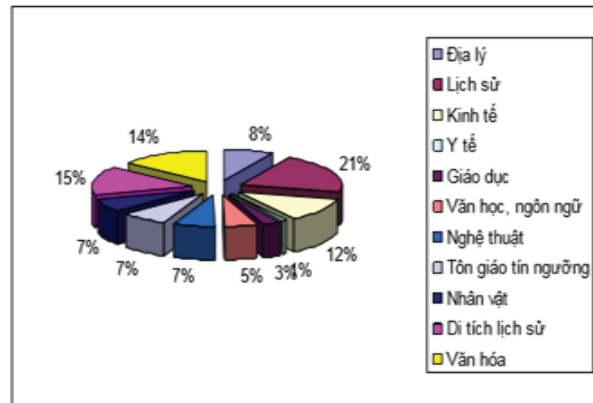
5.1. Bản đồ Thăng Long

Nghiên cứu các vấn đề hữu quan Thăng Long luôn là chủ đề thu hút nhiều sự quan tâm. Theo một cuộc điều tra năm 2008 đã tập hợp được 5.426 công trình nghiên cứu, bài viết liên quan tới Thăng Long - Hà Nội, về mọi lĩnh vực. Trong đó, các công trình về lịch sử chiếm 21%, về địa lý chiếm 8% (Xem biểu đồ 2).Có thể thấy, một lượng không hề nhỏ các công bố khoa học này dùng bản đồ làm đối tượng nghiên cứu. Điều này dễ dàng thấy ở những nghiên cứu đầu tiên công bố trên *Tạp chí Nghiên cứu*

Lịch sử (1959 - 1960) của Trần Hải Lượng[40], Trần Huy Bá[1], hay Hoàng Xuân Chinh... Có thể nói, những công bố khoa học này đã mở đầu cho hàng loạt các nghiên cứu, ý kiến thảo luận xung quanh vị trí, giới hạn, vai trò và giá trị thành Thăng Long - Hà Nội sau này.

Trong các thập niên 70, 80, 90 của thế kỷ XX các nghiên cứu về bản đồ Thăng Long càng khởi sắc. Từ nghiên cứu của Nguyễn Khắc Đạm [15] đến những nghiên cứu của Bùi Thiết trên các *Tạp chí Khảo cổ học*[58], [59], [61] và *Tạp chí Thông tin Khoa học xã hội*[60]. Ngoài Bùi Thiết là học giả quan tâm nhiều về thành Thăng Long thì Phạm Hân cũng là một học giả quan tâm về vấn đề này, thể hiện rõ trong các bài viết của ông vào những năm 1983 [21] và 1986 [22]. Nhìn chung, các nghiên cứu bản đồ Thăng Long ở thế kỷ XX tuy đã đạt được những thành tựu nhất định song vẫn còn hạn chế. Dễ dàng thấy sự hạn chế này xuất phát từ tình trạng chưa quan tâm tới niên đại của các bản đồ.

Đầu thế kỷ XXI, nghiên cứu bản đồ Thăng Long có những bước tiến nhất định. Thể hiện bằng cuộc triển lãm được tổ chức tại Văn Miếu - Quốc Tử Giám vào tháng 11/2002 với nhan đề “Chu trình phát triển 100 năm”. Tại cuộc triển lãm này 78 bản đồ Hà Nội do các nhà nghiên cứu của Viện Nghiên cứu kiến trúc, đô thị và xã hội Paris (IPRAUS) sưu tập đã được giới thiệu. Ngoài một số bản đồ có niên đại từ giữa thế kỷ XIX thì phần lớn bản đồ (72 văn bản) là do người Pháp hội chế từ năm 1882 đến 1954 [39, tr.5]. Thành công của cuộc triển lãm được Pierre Clement và Nathalie Lancret giới thiệu trong cuốn sách: *Hà Nội - chu kỳ của những đổi thay, hình thái kiến trúc và đô thị*[44].



Biểu đồ 2: Tổng quan các lĩnh vực nghiên cứu về Hà Nội, [39, tr.2]

Một năm sau (2003), những kết quả khai quật khảo cổ học ở Hà Nội đã thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động nghiên cứu về Hà Nội, với các thảo luận diễn ra sôi nổi ở trên nhiều diễn đàn khoa học như: *Nghiên cứu Lịch sử, Khảo cổ học, Xưa & nay*, và tại *Hội nghị thông báo Khảo cổ học* thường niên... Đơn cử, tại *Hội thảo Nghiên cứu đánh giá các giá trị văn hóa, lịch sử khu di tích Hoàng thành Thăng Long*, Ngô Đức Thọ trình bày tham luận phân tích về bản đồ Hồng Đức [63]. Theo đó, tác giả phân chia 11 tấm bản đồ Hồng Đức thành hai nhóm: có vẽ bức tường ốp và không vẽ tường ốp. Tác giả cũng khẳng định các bản đồ Thăng Long dù biên vẽ trong nhiều thời kỳ khác nhau song tất cả đều là những truyền bản từ một bản đồ thời Hồng Đức. Năm năm sau (2008), 17 bản đồ mới được giới thiệu trong cuốn sách *Bản đồ cổ Hà Nội và vùng phụ cận* là sản phẩm của cuộc triển lãm cùng tên do Trung tâm văn hóa Pháp tại Hà Nội (l'Espace) và Thư viện Quốc gia Việt Nam phối hợp tổ chức. Một năm sau đó, Tổng Văn Lợi bảo vệ thành công Luận văn thạc sĩ ngành Việt Nam học với nhan đề: “Hệ Thống bản đồ Thăng Long – Hà Nội thế kỷ XV - XIX” [39]. Đây là luận văn Thạc sĩ đầu tiên thảo luận về bản đồ cổ, sưu tập được 47 bản đồ từ thế kỷ XV - XIX, góp phần nhận diện hình ảnh kinh đô thời phong kiến. Qua hệ thống bản đồ này, tác giả đã đi sâu tìm hiểu Thăng Long – Hà Nội trước khi được quy hoạch để trở thành đô thị hiện đại phương Tây hiện hành.

Tựu chung, nghiên cứu về các bản đồ Thăng Long đã đạt được những thành tựu nhất định, song vẫn còn một số hạn chế. Hơn nữa, các tư liệu bản đồ chưa phong phú với lý do một phần đó là những bản đồ do người Pháp thu thập chỉ mới giới thiệu cũng như triển lãm mà chưa được đi sâu nghiên cứu.

5.2. Bản đồ Hoàng Sa

Trong các nghiên cứu về chủ quyền của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa, các nhà nghiên cứu thường tìm kiếm chứng cứ từ ba nguồn: (1) Thư tịch cổ Việt Nam; (2) Thư tịch cổ Trung Quốc và (3) Thư tịch cổ phương Tây.

Năm 1975 *Tạp chí Sử Địa* xuất bản một quyển sách mang tên, *Đặc Khảo Hoàng Sa* [36]. Đây là một chuyên luận, tập hợp nhiều bài viết của các tác giả nghiên cứu về Hoàng Sa. Trong đó có một số bài viết đề cập tới các bản đồ, như: Hoàng Xuân Hãn [36, tr. 7 -18], Trần Văn Kiểm [36, tr. 32 – 40], Lam Giang [36, tr. 41 – 53], Lãng Hồ [36, tr. 54 - 114], Hãn Nguyên [36, tr. 115 – 180]. Trong số này, đáng chú ý hơn cả là bài viết của Hoàng Xuân Hãn. Bài viết này bàn luận về các vấn đề liên quan tới Hoàng Sa, các tư liệu sử liệu được đề cập khá nhiều, mặc dù vậy bản đồ cũng chiếm một phần đáng kể trong bài viết. Bài viết này khác với những bài viết khác trong tập san này vốn có hướng khai thác chủ yếu là lịch sử, hoặc trình bày theo phương thức tự thuật. Các bản đồ được Hoàng Xuân Hãn đề cập gồm *Thiên Nam tứ chí lộ đồ thư*, *HĐBD*, *Thuận Hóa Quảng Nam địa đồ*. Ông kết luận rằng: “Xét các bức đồ ấy, thì ta chắc rằng trong địa đồ xưa, Đại Trường Sa hay là Bãi Cát Vàng đều trở quần đảo Tràng Sa hoặc Hoàng Sa hay Vạn Lý Tràng Sa mà người Âu gọi là Parcel hay Paracel” [36, tr. 10]. Năm 2011, Trần Văn Quyến công bố một bài viết giới thiệu ngắn gọn tập bản đồ Hồng Đức có ký hiệu 98846 lưu giữ tại thư viện Hiroshima (Nhật Bản), và đề cập nội dung ghi chép về Bãi Cát Vàng trong *Toán tập Thiên Nam tứ chí lộ đồ thư (TTNTCLĐT)* [52, tr. 81 – 83]. Hai năm sau (2013) tác giả công bố thêm một bài viết [53, tr.47 - 51], giản thuật thông tin về

đội Hoàng Sa nhĩ ghi trong *QTĐST*. Năm năm sau đó (2018), Nguyễn Tuấn Cường, Trần Trọng Dương và Lê Văn Ất tại Hội thảo *Nghiên cứu và truyền thông giáo dục về quần đảo Hoàng Sa, thành phố Đà Nẵng trong giai đoạn hiện nay* đã giới thiệu sơ lược về cách ghi chép và hình họa địa danh Bãi Cát Vàng trong *Hoàng Lê Cảnh Hưng bản đồ* [4]. Gần đây (2019), Phạm Thùy Vinh trên *Tạp chí Hán Nôm* công bố một nghiên cứu đa chiều về các dị bản *Khải Đồng thuyết ước* [70]. Bài viết đã chỉ ra rằng không phải văn bản nào cũng có phần vẽ bản đồ (kể cả bản in và bản chép tay). Các kết quả nghiên cứu này có lẽ là một bước đệm quan trọng cho một nghiên cứu hệ truyền bản bản đồ Hoàng Sa trong các văn bản *Khải Đồng thuyết ước*.

Có thể thấy nghiên cứu về Hoàng Sa khai thác ở mảng tư liệu trong nước chỉ tồn tại ở những năm trước thế kỷ XX và hầu như không phát triển mạnh mẽ về sau. Điều đó là bởi phần lớn sử liệu hiện tồn đã khai thác triệt để, điều này dễ thấy trong những công trình ở những năm 80 của thế kỷ XX. Sự hạn chế về tư liệu bản đồ, cùng những điểm bất cập ở những bản đồ cổ hiện tồn [49, tr. 64- 65], là những điểm bất cập còn tồn đọng trong ngành bản đồ cổ Việt Nam. Đây cũng là tiền đề cho hướng tiếp cận mới là nghiên cứu tư liệu Trung Quốc cũng như là phương Tây.

Là đại diện cho khuynh hướng khai thác tư liệu Trung Quốc thì không thể không nhắc tới Phạm Hoàng Quân. Ông cũng là một trong những tác giả ít ỏi khai thác về tư liệu Trung Quốc, đặc biệt là bản đồ cổ. Năm 2012 ông công bố một bài viết [45, tr. 59 – 64] với nội dung đề cập tới cuốn sách *Địa dư đồ khảo* do các học giả Trung Quốc biên soạn để chỉ ra một bản đồ trong tập sách này là *Quảng Đông tỉnh đồ* đã xác định rõ Quỳnh Châu (đảo Hải Nam) là biên giới cuối cùng của lục địa Trung Hoa. Cũng trong năm này (2012) một chuyên luận khác được ông công bố [46, tr. 65 – 82] là một phần trong một *Biên khảo “địa đồ lịch sử Trung Quốc”* với căn cứ là những tư liệu bản đồ hành chính Trung Quốc theo tiến trình lịch sử thảo luận về

các vấn đề liên quan đến biển Đông Nam. Một bài viết khác “Về địa danh và vị trí Vạn Lý Trường Sa – Vạn Lý Thạch Đường trên địa đồ hàng hải thời Minh ở thư viện Đại Học Oxford” [47, tr. 106 - 121], giới thiệu sơ lược về bản đồ *The Selden Map of China* cùng phong cách và đặc trưng bản đồ. Kết quả cho thấy bản đồ này lần đầu tiên dùng danh xưng Vạn Lý Thạch Đường – Vạn Lý Trường Sa và đặt phương vị chuẩn xác; ngoài ra cũng đã chỉ ra mục đích được ghi trên bản đồ chỉ nhằm thể hiện tiêu chí giao thông, không có ý biểu thị việc xác định chủ quyền. Năm 2014, một công trình khác được ông công bố [48, tr. 55 – 77]. Căn cứ vào tư liệu Trung Quốc liên quan tới Hoàng Sa Trường Sa, tác giả đã bóc tách thành các lớp lịch đại: các bản đồ hành chính tỉnh Quảng Đông (10 bức), bản đồ hành chính toàn quốc (2 bức), bản đồ biên cương (2 bức), bản đồ quân sự (1 bức). Phương pháp hệ thống này mang nhiều ý nghĩa về mặt pháp lý, khác hoàn toàn với các tư liệu của các học giả Trung Quốc đưa ra “chồng lấn phức tạp, chưa được phân loại rõ ràng, nên tuy có thể coi là sử liệu nhưng giá trị khoa học trong tham khảo kém” [48, tr. 77]. Có thể thấy, trong các công trình do Phạm Hoàng Quân khảo cứu, phần lớn đều lấy bản đồ làm trung tâm nghiên cứu. Các vấn đề về đặc trưng, phong cách và thể loại bản đồ cũng được tác giả đề cập. Có thể kết luận rằng, các cống hiến của Phạm Hoàng Quân không những ảnh hưởng tới thành tựu nghiên cứu Hoàng Sa, mà quan trọng hơn là nghiên cứu bản đồ cổ Việt Nam.

Khai thác theo khuynh hướng thu tập tài liệu phương Tây thì có nhiều tác giả, tiêu biểu như Trần Đức Anh Sơn, Nguyễn Đình Đầu, Nguyễn Quang Ngọc... Năm 2011, nhà xuất bản trẻ xuất bản một quyển sách *Bằng chứng lịch sử và cơ sở pháp lý: Hoàng Sa, Trường Sa là của Việt Nam* [37]. Đây là công trình tập hợp nhiều bài viết của nhiều học giả. Trong đó có hai tham luận thảo luận về bản đồ cổ đáng kể như, Nguyễn Đình Đầu [37, tr 60 – 69] và Phạm Hoàng Quân [37, tr. 138 – 149]. Năm 2014 Trần Đức Anh Sơn cùng một nhóm tác giả Jerome A.Cohen, Jean-Pierrier, Subhash Kapila, Hân Nguyễn Nguyễn Nhã, Nguyễn

Quang Ngọc, Gregory Poling, Phạm Hoàng Quân, Shimao Minoru, Tạ Văn Tài và Carlyle A. Thayer đã công bố một quyển sách có tên: *Hoàng Sa Trường Sa tư liệu & quan điểm của học giả quốc tế* [54]. Quyển sách này gồm 12 bài viết của 13 tác giả, đáng chú ý là bài viết: “Thư tịch và bản đồ cổ phương Tây chứng minh chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa” của Trần Đức Anh Sơn [54, tr. 9 – 41]. Trong bài viết này có 1 mục về “bản đồ cổ phương Tây chứng minh chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa”. Tác giả cho biết thu thập được hơn 140 bản đồ phương Tây vẽ và xuất bản vào thế kỷ 16 – 19 có vẽ địa danh Paracel/ Paracels/ Pracel/ Parcel Islands, và giới thiệu một số bản đồ tiêu biểu trong số đó. Cũng trong năm này (2014) ông công bố một bài viết [55, tr. 46 - 57; 46 – 53] được chia làm 2 kỳ, 1 kỳ đăng trên số 57, kỳ còn lại đăng trên số 58 trên *Tạp chí Phát triển Kinh tế - Xã hội Đà Nẵng*. Thao tác chủ yếu của bài viết là thống kê các bản đồ có liên quan tới Hoàng Sa dựa trên 3 nguồn tư liệu: bản đồ trong nước, bản đồ phương Tây và bản đồ Trung Quốc. Cũng trong năm này (2014) Trần Đức Anh Sơn [56], giới thiệu về bộ *Atlas Universel* đặc biệt là bản đồ *Partie de la Cochinchine* do người sáng lập Viện Địa lý Hoàng gia Bỉ biên soạn. Năm 2014, Nguyễn Đình Đầu công bố một quyển sách [18] tập hợp những công bố trước đó của tác giả, đúng như mục đích bản đồ đề ra là cung cấp tư liệu chứng minh chủ quyền biển đảo Việt Nam dựa trên các tư liệu trong và ngoài nước, với phần bản đồ chiếm dung lượng tương đối. Tuy vậy quyển sách này đa phần là tự thuật, ít bàn luận và đánh giá, tranh ảnh bản đồ đóng vai trò chủ đạo. Năm 2014, Nguyễn Quảng Minh công bố một bài viết [32] giới thiệu sơ lược về tám bản đồ ký Ge A-395 (chụp lại từ Nathalie Lancret). Mặt khác từ các địa danh phản ánh trên bản đồ tác giả kết luận bản đồ này vẽ trong khoảng thời gian 1876 – 1883. Có thể thấy, các nghiên cứu khai thác tư liệu bản đồ phương Tây, chủ yếu công bố trong năm 2014, đều mang tính chất thống kê/

giới thiệu mà chưa đi sâu vào phân tích và bình luận.

Như vậy, từ nội dung nghiên cứu nêu trên không khó để nhận ra rằng, khai thác tư liệu bản đồ để nghiên cứu Hoàng Sa được chia thành các thời kỳ rõ rệt. Ở thế kỷ XX, tư liệu hiện tồn tại Việt Nam được các tác giả trong nước ưu tiên và khai thác. Các nghiên cứu thế kỷ XXI chủ yếu tìm kiếm các tư liệu nước ngoài, đặc biệt là phương Tây và Trung Quốc. Có điều, các nghiên cứu khai thác từ khía cạnh tư liệu phương Tây là chủ yếu, nghiên cứu tư liệu Trung Quốc chưa được quan tâm nhiều ngoài học giả Phạm Hoàng Quân.

5.3. Các bản đồ khác

Ở nhóm nội dung nghiên cứu này chủ yếu đề cập trên các bản đồ: HDBĐ, An Nam quốc đồ, An Nam đại quốc họa đồ, Hoàng Hoa sứ trình đồ, QTĐST và Hoàng Lê Cảnh Hưng bản đồ.

HDBĐ có lẽ là tập bản đồ được thảo luận sôi nổi nhất suốt một thế kỷ qua. Năm 1963 Lê Phước công bố một bài viết [43, tr. 27- 28]. Bài viết tiến hành đối chiếu với một bản đồ cùng tên được Ty Văn hóa tỉnh Nam Định xuất bản. Hai năm sau (1965) bài viết “Một nhầm lẫn cần chấm dứt” [57, tr. 43] trên *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử* đã chỉ ra việc sử dụng danh xưng Vương phủ trong bản đồ Thăng Long càng góp phần khẳng định tấm bản đồ này không thể có niên đại năm 1490. Bởi danh xưng này phải đến năm 1598 mới xuất hiện.

Liên quan tới bản đồ Hồng Đức, 25 năm sau (1900) Hội Trắc Địa địa lý Việt Nam tổ chức Kỷ niệm 500 năm HDBĐ [20]. Hội thảo có 21 tham luận, trong đó có 13/21

bài viết đề cập tới bản đồ.*Hội thảo quốc tế tuy có nhiều học giả tham dự, nhưng về cơ bản không có nhiều thành tựu bởi phần lớn đều không được tiếp xúc với văn bản gốc, ngoài Trần Nghĩa. Các tác giả khác hầu hết khảo sát trên bản dịch chú HDBĐ của Sài Gòn [9, tr. 73]. Nhìn chung, thảo luận về tấm bản đồ Hồng Đức trong thế kỷ XX khá nhiều. Tuy nhiên, cũng phải nói một điều rằng, rất nhiều học giả do không tiếp xúc với văn bản nên các công trình không có nhiều giá trị nghiên cứu. Số ít học giả còn lại thì hoài nghi về niên đại nhưng chưa có công trình nào minh chứng cụ thể. Mãi tới năm 2015 hai học giả người Trung Quốc là Hàn Chu Kính và Quách Thanh Ba đã công bố một bài viết trên *《域外漢籍研究集刊》* (Vực ngoại Hán tịch nghiên cứu tập san) [73, tr. 203 – 214]. Tác giả cho hay, danh xưng HDBĐ có 2 cách hiểu: (1) đây là bản đồ được vẽ thời Hồng Đức; (2) bản đồ tập hợp tư liệu thời Hồng Đức mà hoàn thành. Phần lớn các tác giả Việt Nam đều hiểu cách thứ nhất, và đây là cách hiểu sai lầm [73, tr. 205]. Qua thao tác đối chiếu diên cách địa danh hành chính giữa các thừa tuyên, hai tác giả kết luận tập bản đồ Hồng Đức ký hiệu A.2499 là tập bản đồ không phải vẽ năm 1490, mà là vẽ khoảng thời gian từ 1651 – 1653 [73, tr. 213]. Có thể thấy, bài viết này có lối tư duy mạch lạc, luận điểm khoa học, tuy nhiên cũng còn một số điểm cần thảo luận thêm như nhận định bản đồ Hồng Đức vẽ năm 1651 – 1653. Xin lưu ý một điều HDBĐ ký hiệu A.2499 không phải là tư liệu độc bản; xin chỉ ra một số dị bản sau: HDBĐ ký hiệu A.2499 lưu giữ tại Viện nghiên cứu Hán Nôm, HDBĐ ký hiệu 98846 lưu giữ tại Đại Học Hiroshima (Nhật Bản), HDBĐ Ty Văn

* 1/ *Độc Dư địa chí* nghĩ tới tới tập bản đồ Hồng Đức – PTS. Triệu Văn Hiến, 2/ *Xác định một vài giá trị của HDBĐ* – PTS. Lê Thế Tiến, 3/ *Thiên Hạ bản đồ năm Hồng Đức thứ 21, tiền thân và các thế hệ tiếp theo* – Bùi Thiết, 4/ *Thử phân loại các bản đồ chuyên dùng trong hệ thống bản đồ trung đại Việt Nam* – Dương Hạnh, 5/ *Một số vấn đề liên quan đến bản đồ Hồng Đức và hệ thống bản đồ cổ Việt Nam* – Bùi Thiết, 6/ *Về một số bản đồ Việt Nam cổ thế kỷ 16* – Vũ Phi Hùng, 7/ *Hành trang của người cán bộ bản đồ Việt Nam* – Lưu Văn Lợi, 8/ *Bước đầu tìm hiểu bản đồ cổ*

Việt Nam – Đinh Văn Nhật, 9/ Bản đồ Việt Nam và cương giới lãnh thổ nước ta từ thế kỷ XV đến XIX – Phạm Hân, 10/ Giá trị của những tấm bản đồ Thăng Long thời Lê trong việc nghiên cứu lịch sử thủ đô – Đỗ Văn Ninh, 11/ Bản đồ cổ Việt Nam – Trần Nghĩa, 12/ Những tín hiệu thu nhận từ bản lược đồ địa danh ngôn ngữ Việt cổ - Bước đầu góp phần tích cực vào việc tiếp cận một số vấn đề lịch sử cổ đại, 13/ Bàn về niên đại của bản đồ mang tên Hoài Đức phủ toàn đồ 懷德府全圖- Bùi Thiết

hóa tỉnh Nam Định sưu tầm năm 1958, *HĐBĐ* ký hiệu Vhc.00885 lưu giữ tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm, *HĐBĐ* ký hiệu 363 và 364, Tư đạo văn khố... Không khó để nhận thấy, *HĐBĐ* không phải độc bản mà có nhiều dị bản và A.2499 chỉ là một trong số các truyền bản *HĐBĐ* vẽ năm 1490. Như vậy, mốc niên đại 1651 – 1653 không phải là niên đại vẽ bản đồ, mà nên được hiểu là *niên đại sao chép văn bản*. Một điểm nữa cần thảo luận thêm là nhằm lẫn “*tư liệu nghiên cứu*” khi tại phần kết luận tác giả đề cập tới “*Bản quốc bản đồ tổng lãm giám mục lục*” (mục lục). Căn cứ những thông tin tác giả ở bảng “mục lục” này là: “Thanh Giang Bích Hồ nho sinh trúng thức Đỗ Bá thị Công Đạo phủ tập” mà lập luận về địa danh, tên tuổi và sự nghiệp tác giả. Tác giả kết luận người vẽ bản đồ không có địa vị xã hội, cũng vì vậy việc chế tác bản đồ không tốt, điều này rõ ràng thấy ở một số điểm đã chứng minh [73, tr. 214]. Tuy nhiên, không rõ nguyên nhân gì tác giả xếp phần “mục lục” này thuộc 13 tấm bản đồ thừa tuyên. Theo thứ tự sắp xếp trong *HĐBĐ* ký hiệu A.2499, sau các bản đồ thừa tuyên là tấm bản đồ *Tổng quát đồ*, tiếp đó mới tới “mục lục”. Một điều khó hiểu là tác giả không đề cập tới *Tổng quát đồ*, cũng không giải thích nguyên nhân không xếp chúng cùng 13 bản đồ thừa tuyên. Trong khi đó, từng có học giả nhận định *Tổng quát đồ* là một phần phụ lục “mục lục”: “Tấm bản đồ trên được chúng tôi tạm gọi là *Tổng quát đồ*, nó là một dạng mục lục cho tài liệu *Bản quốc bản đồ tổng quát mục lục*” [73, tr. 482 – 483]. Thực chất, nếu xét kỹ có thể thấy rõ sự tách biệt hoàn toàn nội dung giữa các tư liệu, *HĐBĐ* là tư liệu gồm bản đồ Trung Đô và các bản đồ thừa tuyên mà thôi; các phần còn lại thuộc những nhóm tư liệu khác. Có lẽ cũng do điểm bất cập này đã gây nên những hạn chế nhất định về nhận định khoa học. Hy vọng trong tương lai, *HĐBĐ* sẽ được nghiên cứu một cách đa chiều với sự đa dạng về tư liệu hơn.

Phạm Hân có lẽ là một trong những cái tên không thể không nhắc tới trong các nghiên cứu về bản đồ cổ Việt Nam thế kỷ XX. Từ năm 1983 tới năm 1996, ông đã công bố khoảng 8 bài viết có liên quan tới

bản đồ. Tuy nhiên, chỉ từ năm 1994, các nghiên cứu của ông mới thực sự đi sâu vào bản đồ cổ với bài viết của mình trên *Tạp chí Hán Nôm* [23]. Bài viết đã chỉ ra nhận định sai lầm niên đại trong công trình nghiên cứu của G. Dumoutier cũng như Viện Khảo Cổ Sài Gòn [23, tr. 26]. Hơn nữa từ các cứ liệu lịch sử phản ánh trong bản đồ chứng minh bản đồ này có niên đại năm 1686. Về sau phần lớn các học giả nghiên cứu bản đồ ít nhiều đều chịu ảnh hưởng từ bài viết này. Liên quan tới bản đồ này, ông công bố thêm 2 bài viết [24] [25] trên *Tạp chí Hán Nôm*. Tới 1996, ông công bố thêm một bài viết [26, tr. 24– 27]. Bài viết cho rằng bản đồ này không phải khắc in Minh Mệnh thứ 14 (1833) cũng như Minh Mệnh 19 (1838), và cũng không phải được trích trong *Hoàng Việt dư địa chí* của Phan Huy Chú. Ông cho rằng có một tấm bản đồ trong kho sách Hán Nôm giống với *Đại Nam nhất thống toàn đồ* mang nhan đề *Nam Bắc Kỳ hội đồ* và kết luận rằng “*Nam Bắc hội đồ* có niên đại trong vòng từ năm 1854 đến trước năm 1875. Đó cũng là niên đại của *Đại Nam nhất thống toàn đồ*” [26, tr. 25].

Alexander de Rhodes chắc hẳn là một bản đồ không còn xa lạ với học giới Việt Nam. Từ năm 1996 Nguyễn Đình Đầu đã công bố liên quan tới bản đồ này [16, tr. 34 – 35]. Bài này bàn về những điểm đồng dị từ hai tấm bản đồ Hồng Đức năm 1490 và bản đồ Alexandre de Rhodes ở 4 phương diện (phương hướng, quốc hiệu, đường nét – bố cục, địa bàn). Tuy nhiên giữa Alexander de Rhodes và *HĐBĐ* mang những đặc trưng và thể loại riêng là bản đồ học phương Đông và bản đồ học phương Tây, nên việc so sánh này là không mang nhiều ý nghĩa. Sau này (2006), Harold E. Meinheit công bố một bài viết trên *The Portolan*, tạp chí của hội bản đồ Washington (Mỹ) với nhan đề: “Unveiling Vietnam: The Maps of Alexandre de Rhodes” (Vén màn lịch sử Việt Nam: bản đồ của Alexandre de Rhodes) [82]. Bài viết với dung lượng 13 trang, qua các bản đồ của Alexandre de Rhodes bàn luận về bối cảnh của các tông đồ truyền giáo cũng như ảnh hưởng của châu Âu tới Việt Nam thế kỷ 17.

An Nam quốc đồ là tấm bản đồ nằm trong *An Nam đồ thuyết* của Trịnh Nhưặc Tăng ở thế kỷ XXI. Bản đồ này được biết đến là một trong những bản đồ định lượng* về Việt Nam sớm nhất hiện biết. *An Nam đồ thuyết* được học giới quan tâm từ rất sớm[62]. Gần đây (2016) hai học giả người Trung Quốc là Vu Hướng Đông và Thành Tư Gia công bố một bài viết 《郑若曾与安南图说略论》(Trịnh Nhưặc Tăng dữ *An Nam đồ thuyết* lược luận) [75]. Đây tuy là một bài viết tổng lược về *An Nam đồ thuyết* có thành tựu nhất cho tới hiện giờ, song phần bàn luận về bản đồ còn hạn chế. Dễ dàng thấy rằng những bài viết này phần nhiều đề cập tới nội dung, niên đại, quá trình truyền bản, hay địa danh học trong văn bản, mà chưa đề cập nhiều tới khía cạnh bản đồ học. Năm 2019, trên *Nghiên cứu Hán Nôm 2019*, Lê Văn Ất qua bài viết của mình [8], bước đầu đã luận bàn về đặc trưng văn bản *An Nam đồ thuyết*, như: sử dụng phương pháp kê lý họa phương làm cơ sở, in trên mộc bản, sử dụng đồ lệ... Tuy bài viết chưa bàn luận, cũng như chưa đi sâu khai thác các vấn đề đặt ra, nhưng mang tính gợi mở, tạo tiền đề cho những nghiên cứu sau này về *An Nam đồ thuyết*, đặc biệt là nghiên cứu khía cạnh ký hiệu học bản đồ.

An Nam đại quốc họa đồ là tờ bản đồ có kích thước 84 x 45 cm, phụ bản của cuốn *Dictionarium latino – anamiticum* (Từ điển Latin – An Nam), do Oriental Lith. Press xuất bản ở Calcutta (Ấn Độ) vào năm 1838 [85]. Liên quan tới tấm bản đồ này, năm 2009 Nguyễn Đình Đầu công bố một bài viết[17] trong đó giới thiệu sơ lược về tác

giả, nguồn gốc tấm bản đồ, cùng khảo sát sơ bộ về hệ thống hành chính và sông ngòi bản đồ. Hai năm sau, học giả người Mỹ là Harold E. Meinheit công bố một bài viết “*The Bishop’s Map Vietnamese and Western Cartography Converge*” (Tấm bản đồ Việt Nam của vị giám mục và sự hội tụ ngành bản đồ học phương Tây) [82]. Trong bài khảo cứu có độ dài 13 trang của mình, tác giả Harold E. Meinheit đã phân tích và đánh giá toàn diện, như: lai lịch tấm bản đồ, bối cảnh lịch sử; quá trình mở rộng lãnh thổ và chính sách triều đình nhà Nguyễn với các quốc gia láng giềng (Campuchia và Lào). Tác giả cho hay, bản đồ này là một thành tựu nổi bật trong sự kết hợp giữa bản đồ hành chính truyền thống (phương Đông) với bản đồ học phương Tây [82, tr. 28]. Ngoài ra, mục đích vẽ bản đồ cũng được tác giả đề cập và đánh giá, Mục đích giám mục đặt ra khi vẽ bản đồ này là phục vụ cho lợi ích khoa học. Dù vậy đối với các giáo sĩ phương Tây vẫn luôn coi đây là một công cụ trong công việc truyền giáo Đông Dương [82, tr. 37].

Hoàng Hoa sứ trình đồ được giới thiệu lần đầu tiên vào năm 1963 trên *Từ điển Văn hóa Việt Nam* (Nxb Văn hóa, Hà Nội năm 1963). Hơn 30 năm sau (1994) vấn đề này tiếp tục nhận được sự quan tâm của Trần Hải Yến [68]. Về cơ bản, hai bài viết trên là khảo tả và giới thiệu sơ bộ về tập bản đồ. Năm 2011 Nguyễn Thanh Tùng trên bài viết của mình[65], đã đề cập *Hoàng Hoa sứ trình đồ* dựa theo 2 khía cạnh: (1) Quá trình biên soạn và (2) Quá trình truyền bản. Tám năm sau (2018), một Hội thảo của dòng họ Nguyễn Huy được tổ chức[38]. Rất nhiều các tác giả

*Bản đồ có thể phân chia làm 2 loại: loại thứ nhất là có tỉ lệ xích và ký hiệu bản đồ trùu tượng, trên bản đồ biểu thị các yếu tố địa lý có thể đo lường được, [loại bản đồ này] thuộc về truyền thống phân tích của địa đồ học, là bản đồ có tính khoa học định lượng, “kê lý họa phương” 計里畫方 chính là phương pháp của loại bản đồ này. Một loại khác là bản đồ không có tỉ lệ xích xác định, ký hiệu trên bản đồ là phương thức vẽ, không dễ đo lường được các yếu tố địa lý được biểu thị trên bản đồ, [loại bản đồ này] thuộc về truyền thống mô tả của địa đồ học, cho nên gọi là bản đồ mô tả, có không ít bản đồ cổ Trung

Quốc thuộc loại này.” Xem: Khương Đạo Chương 姜道章, 《论传统中国地图学的特征》, 《自然科学史研究》1998年第3期, 页265. “Kê lý họa phương” 計里畫方 là một phương pháp vẽ bản đồ định lượng truyền thống trong địa đồ học Trung Quốc. Phương pháp này trước tiên căn cứ mối quan hệ tỷ lệ nhất định trên bản đồ, tạo thành mạng lưới tọa độ ô vuông, về sau có thể khống chế vị trí và cự li các yếu tố trên bản đồ.

tham gia tham luận, đáng kể như: Nguyễn Thanh Tùng [38, tr. 37 -58], Nguyễn Trí Sơn [38, tr. 81 – 88], Võ Hồng Hải [38, tr. 89 – 104], Thái Huy Bích [38, tr. 105 – 124]. Nhìn chung, các bài viết này đều thảo luận về các vấn đề văn bản, tác giả, thời gian biên soạn cũng như các giá trị hữu quan văn bản. Ngoài văn bản trên, dòng họ Nguyễn Huy còn lưu giữ *QTĐST* - một tư liệu ghi chép về hai xứ Thuận Hóa và Quảng Nam. Tại hội thảo dòng họ Nguyễn Huy (2018), các khía cạnh văn bản học đã được Đỗ Thị Bích Tuyền thảo luận [38, tr. 60 - 81], từ việc phân tích nội dung, tác giả cho rằng văn bản này phần ghi chép và bản đồ có tính tương khớp, tuy nhiên luận điểm này sau này được nhóm tác giả Nguyễn Tuấn Cường và Lê Văn Ất bác bỏ [5]. Năm 2018, *Hoàng Hoa sứ trình đồ và QTĐST* chính thức được ra mắt quý độc giả [31] [66]. Có thể thấy, việc công bố 2 tư liệu này có tác động ít nhiều tới phát triển ngành bản đồ cổ Việt Nam. Một trong những tác động nhiều nhất có thể thấy, số lượng các bài viết khoảng thời gian này gia tăng đáng kể. Hơn nữa, với sự phong phú về nguồn tư liệu, hiển nhiên sẽ tạo điều kiện thuận lợi tới nghiên cứu các khía cạnh văn bản liên ngành.

Hoàng Lê Cảnh Hưng bản đồ là một bản đồ Việt Nam, lưu trữ tại Đại học Keio, Tokyo, Nhật Bản. Văn bản này được giới thiệu sơ lược trên *Nghiên cứu Hán Nôm 2018* của nhóm tác giả Nguyễn Tuấn Cường và Lê Văn Ất [3]. Một năm sau (2019), vấn đề niên đại đã được Lê Văn Ất bóc lớp qua từng các mốc địa danh trong bài viết trên *Tạp chí Hán Nôm*. Ngoài ra, cũng trong năm này, nhóm tác giả Lê Văn Ất và Nguyễn Tuấn Cường tiếp tục công bố bài viết tại hội thảo *Cửa biển Việt Nam: nghiên cứu địa lý học lịch sử* với nhan đề “Hệ thống cửa biển Việt Nam qua *Hoàng Lê Cảnh Hưng bản đồ*” [7]. Có thể nói, *Hoàng Lê Cảnh Hưng bản đồ* đã bước đầu hoàn thiện các vấn đề về văn bản học. Các vấn đề liên quan tới phong cách vẽ bản đồ cũng như đặc trưng bản đồ chấn hấn là những vấn đề lý thú sẽ được nhóm tác giả đề cập trong tương lai.

Có thể thấy, nghiên cứu các văn bản bản đồ chỉ tồn tại trên một số khía cạnh như văn bản học, niên đại học, quá trình truyền bản. Trong khi các khía cạnh về phương pháp vẽ bản đồ, đặc trưng bản đồ hầu như chưa được đề cập nhiều. Hơn nữa, phần lớn là thảo luận các bản đồ cổ, nhiều nhất là *HĐBĐ*. Trong khi các bản đồ cận đại, bản đồ hàng hải, phong thủy hầu như không được quan tâm nhiều.

6. Các công trình phiên dịch và giới thiệu

Một trong những dữ liệu chính giúp ta định hình rõ ràng về lịch sử bản đồ Việt Nam là công trình nghiên cứu về “*HĐBĐ*”, được nhóm tác giả của Viện Khảo cổ học phiên dịch và giới thiệu năm 1962 [67]. Đây là công trình nghiên cứu đầu tiên đề cập tới diện mạo bản đồ Việt Nam, cùng với tập bản đồ Hồng Đức cũng lần đầu tiên được giới thiệu tới độc giả. Tuy tên công trình là “Phiên âm và chú giải tập *HĐBĐ*” nhưng phạm vi đề cập lại rất rộng. Phần đầu công trình, đề cập tới các vấn đề liên quan văn bản học của các bản đồ thuộc tập bản đồ Hồng Đức (tác giả, niên đại, bản chép tay, bản dịch và chú thích). Việc này có ý nghĩa rất lớn trong việc tạo tiền đề cho các nghiên cứu sau này, đặc biệt là thảo luận về tấm bản đồ Hồng Đức. Công trình này cũng là một trong những cơ sở quan trọng giúp John K. Whitmore viết về *Carography in Vietnam*. Tuy nhiên, công trình này còn có một số điểm hạn chế cần được nhìn nhận lại, đơn cử là nhận định về niên đại các tấm bản đồ. Về sau, một phần trong tập bản đồ Hồng Đức này là *TTTNTCLĐT* và *GNNBNĐ* được Trần Đại Vinh và Trần Viết Ngạc dịch và bổ chính [69].

Năm 2016 Phạm Hoàng Quân xuất bản một ấn phẩm dịch *Tập bản đồ hàng hải 1841 ở thư viện Đại học Yale* [50]. Tập bản đồ này là những ghi chép trong sử liệu Trung Hoa liên quan đến địa danh ven bờ và hải đảo Việt Nam được giới Trung - Tây đánh giá không kém *The Seiden map of China* ở thư viện Đại học Oxford. Học giới Trung Hoa rất quan tâm tới bản đồ này, như: Lý Hoàng Kỳ, Trần Quốc Đống, Jonh

Wills, Trịnh Vĩnh Thường, Đinh Nhất, Thang Hi Dũng, Stephen Davies...[50, tr.8-11]. Về sau (2019), bản đồ này cũng được Trịnh Vĩnh Thường dịch và công bố ở Đài Loan (Trung Quốc) dưới góc nhìn của sự chuyển dịch công giáo thời Minh tới thời Thanh [77]. Một năm sau (2017), Phạm Hoàng Quân xuất bản thêm một ấn phẩm *Xiêm La quốc lộ trình tập lục* [51]. Văn bản này vốn xuất bản từ năm 1996 tại HongKong. Nguyên bản được kèm theo bức địa đồ Xiêm La, do sứ đoàn Việt Nam (Tổng Phước Ngoại, Phạm Cảnh Giảng) thực hiện, có điều bản đồ hiện không còn. Có thể nói đây là một sử liệu quý về lĩnh vực giao thông đường bộ, đường thủy từ Việt Nam đến Xiêm La. Nhìn chung, các ấn phẩm dịch của Phạm Hoàng Quân luôn ấn tượng với độc giả bởi các thao tác quy đổi địa danh học lịch sử (historical toponymy). Việc thực hiện thao tác này là chưa có tiền lệ ở Việt Nam. Quy đổi địa danh học là một bộ môn rất khó đối với ngành bản đồ. Phần lớn giới không chuyên chỉ đọc được mặt chữ mô tả trên bản đồ, mà không xác định được các điểm mô tả ngoại vi. Cũng do nguyên nhân này mà các bản dịch bản đồ hiện hành, hiện tượng đọc nhầm hoặc sai danh xưng khá phổ biến. Thao tác quy đổi địa danh được cấu thành từ nhiều yếu tố. Minh định phương hướng và phương thức di chuyển là tiền đề xác định không gian bản đồ, phân loại ngôn ngữ (tên gốc Champa, gốc Mã Lai, Khmer, tên Trung Hoa, tên Tây Phương, tên Nôm...), kết hợp đọc sử liệu và quan yếu hơn cả là địa chí (quốc chí, tỉnh chí và địa phương chí), sử dụng bản đồ không ảnh, cùng khảo sát thực tế... Những thành tựu nghiên cứu về địa danh học lịch sử nói trên, có thể tạo nên những bước tiến mới đối với nhận thức đa chiều/ khác biệt về lịch sử [9, tr.8].

Hiện chúng ta có 6 văn bản bản đồ và có 9 bản dịch xuất bản. Như vậy, việc phiên dịch và công bố tư liệu bản đồ ở Việt Nam còn rất hạn chế; chính vì điểm bất cập này mà gây ảnh hưởng nhất định tới sự phát triển ngành bản đồ cổ Việt Nam. Hy vọng trong thời gian tới, với việc phát hiện và công bố rộng rãi các nguồn tư liệu mới, sẽ

tạo điều thuận lợi cho các đối tượng nghiên cứu ngành bản đồ cổ Việt Nam.

7. Tiểu kết

Nghiên cứu về bản đồ cổ Việt Nam từ năm 1896 đến nay, đã đạt được những thành tựu nhất định, song vẫn còn nhiều hạn chế. Những thành tựu bước đầu này là bước đi vững chắc cho những thành tựu và hướng tiếp cận bản đồ học trong tương lai. Bài viết này chỉ là góc nhìn hạn hẹp của người viết trên nhiều khía cạnh bản đồ học. Việc cố gắng thể hiện một diện mạo nghiên cứu bản đồ cổ Việt Nam là công việc làm quá sức đối với tác giả, vì vậy cũng không tránh khỏi sai lầm, rất mong được các học giả và bạn đọc bổ chính./.

Tài liệu tham khảo

Nhóm tài liệu tiếng Việt

- [1] Trần Huy Bá (1959), “Thử bàn về vị trí thành Thăng Long đời Lý”, *Tạp chí Nghiên cứu lịch sử*, số 6, tr. 77 – 81.
- [2] Phan Văn Các (1995), “Thư mục Việt Nam học bằng chữ Hán ở Thư viện Harvard Yenching Mỹ”, *Tạp chí Hán Nôm*, số 4, tr 83 – 93.
- [3] Nguyễn Tuấn Cường, Lê Văn Ất (2018), “Giới thiệu văn bản *Hoàng Lê Cảnh Hưng bản đồ* mới phát hiện tại Nhật Bản”, *Nghiên cứu Hán Nôm năm 2018*, Viện Nghiên cứu Hán Nôm, Nxb Thế giới, tr. 601-612.
- [4] Nguyễn Tuấn Cường, Trần Trọng Dương, Lê Văn Ất (2018), “Ghi chép và hình họa về quần đảo Hoàng Sa trong văn bản *Hoàng Lê Cảnh Hưng bản đồ* mới phát hiện tại Nhật Bản”, bài tham dự Hội thảo *Nghiên cứu và truyền thông giáo dục về quần đảo Hoàng Sa, thành phố Đà Nẵng trong giai đoạn hiện nay*. Nhà Trưng bày Hoàng Sa, tổ chức ngày 16/12/2018.
- [5] Nguyễn Tuấn Cường, Lê Văn Ất (2019), “Nghiên cứu hệ thống cửa biển hai xứ Thuận Hóa và Quảng Nam qua *Quảng Thuận đạo sử tập*”, bài tham dự Hội thảo khoa học quốc tế *Nghiên cứu giá trị di sản Hán Nôm thế kỷ XVII – XX của dòng họ Nguyễn Huy, huyện Can Lộc, Hà Tĩnh*. Viện Nghiên cứu Hán Nôm và Sở Khoa học và Công nghệ Hà Tĩnh. Ngày 9-10/05/2019.

- [6] Hoàng Xuân Chinh (1960), “Thử bàn về vị trí thành Thăng Long (trao đổi với ông Trần Huy Bá”, *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*, số 9, tr. 58 – 63.
- Lê Văn Ất (2019), “Giám định niên đại Hoàng Lê Cảnh Hưng bản đồ”, *Tạp chí Hán Nôm*, số 2 (153), tr. 19 – 31.
- [7] Lê Văn Ất, Nguyễn Tuấn Cường (2019), “Hệ thống cửa biển Việt Nam qua Hoàng Lê Cảnh Hưng bản đồ”, bài tham dự hội thảo *Cửa biển Việt Nam: nghiên cứu địa lý học lịch sử*. Viện Nghiên cứu Hán Nôm. Ngày 07/05/2019.
- [8] Lê Văn Ất (2019), “Nghiên cứu An Nam đồ thuyết”, *Nghiên cứu Hán Nôm năm 2019*, Nxb Thế Giới, tr.271 – 281.
- [9] Trần Trọng Dương (2017), “Bản đồ và tri tạo kiến văn địa lý ở Việt Nam thời tiền hiện đại qua mẫu hình nhà Nho hành đạo Nguyễn Huy Quynh”, *Nghiên cứu và Phát triển*, số 4 (138), tr. 65-86.
- [10] Trần Trọng Dương (2018a), “Cửa Lạch Huyện - cửa Nghiêu Phong: nghiên cứu địa lý học lịch sử”, *Nghiên cứu Hán Nôm 2018*, Nxb Thế giới, tr.263-273.
- [11] Trần Trọng Dương (2018b), “Tổng thuật 100 năm nghiên cứu địa lý học lịch sử Việt Nam”, *Tạp chí Nghiên cứu và Phát triển*, số 1/2018, tr. 3-21.
- [12] Trần Trọng Dương (2019), “Sông Bạch Đằng và cửa biển Bạch Đằng - Nghiên cứu địa lý học lịch sử”, *Tạp chí Nghiên cứu và Phát triển*, số 2, tr. 3 - 22.
- [13] Trần Trọng Dương (2020), “Cửa biển Việt Nam thế kỷ XV- những khúc xạ lịch sử”, *Tạp chí Tia Sáng*, số 9
- [14] Dumoutier M. G. (2020), *Étude; Nguyễn Văn Trường* (dịch), Nghiên cứu bản đồ các cửa sông, hải cảng Việt Nam thế kỷ XV, Nxb Hà Nội.
- [15] Nguyễn Khắc Đạm (1975), “Bàn thêm về vị trí thành và lũy Hà Nội thời phong kiến” *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*, số 165 (11-12/1975), tr.58-68.
- [16] Nguyễn Đình Đầu (1996), “Phải chăng bản đồ Alexandre de Rhodes 1650 vẽ theo bản đồ Hồng Đức 1490”, *Tạp chí Hán Nôm*, số 33, tr. 34 – 35.
- [17] Nguyễn Đình Đầu (2009), “Nhận xét về An Nam đại quốc họa đồ”, *Tạp chí Nghiên cứu và Phát triển*, số 5(76), tr.51 – 60.
- [18] Nguyễn Đình Đầu (2014), *Chủ quyền Việt Nam trên biển đông & Hoàng Sa – Trường Sa*, Nxb Đh quốc gia Tp HCM.
- [19] Trần Văn Giáp (1984), “*Tìm hiểu kho sách Hán Nôm*” tập 1, NXB Văn Hóa – Hà Nội, tr. 317 – 384.
- [20] Hội Trắc Địa- Bản Đồ- Viễn Thám Việt Nam (1990), *Hội thảo Khoa học quốc gia về Lịch sử bản đồ Việt Nam nhân kỷ niệm 500 năm tập bản đồ Hồng Đức*, Hà Nội.
- [21] Phạm Hân (1983), “Tư di tích hồ Ngọc Khánh suy nghĩ về vị trí thành Thăng Long”, *Tạp chí Khảo cổ học*, số 1, trang 68 – 69.
- [22] Phạm Hân (1986), “Suy nghĩ sơ bộ về bộ bản đồ Hồng Đức qua tấm bản đồ kinh thành Thăng Long”, *Tạp chí Hán Nôm*, số 1, tr. 59 – 64.
- [23] Phạm Hân (1994), “Tìm hiểu niên đại *Toản tập Thiên Nam tứ chí lộ đồ thư*”, *Tạp chí Hán Nôm*, số 1, tr 26 - 29.
- [24] Phạm Hân (1995), “Địa danh Bãi Cát Vàng trong sử sách”, *Tạp chí Hán Nôm*, số 1, tr 44 – 46.
- [25] Phạm Hân (1996a), “Tìm hiểu tác giả *Toản tập Thiên Nam tứ chí lộ đồ thư* và vài vấn đề liên quan”, *Tạp chí Hán Nôm*, số 1, tr 34 – 36.
- [26] Phạm Hân (1996b), “Xuất xứ của *Đại Nam nhất thống toàn đồ*”, *Tạp chí Hán Nôm*, *Tạp chí Hán Nôm* số 4, tr. 24 – 27.
- [27] Phạm Hân (1999), “Thành Hà Nội thời Nguyễn”, *Tạp chí Xưa và Nay*, số 69, tr. G - H.
- [28] Chu Tuyết Lan (2008), “Thông tin về cơ sở dữ liệu (CSDL) thư mục tài liệu viết về Hà Nội thuộc lĩnh vực KHXX & NV”, *Thông báo Hán Nôm*.
- [29] Trịnh Khắc Mạnh (2011), “Thêm một số tư liệu Hán Nôm ghi chép về Hoàng Sa - Trường Sa thuộc chủ quyền Việt Nam”, *Tạp chí Hán Nôm*, số 1 (104), tr.43-51.
- [30] Trịnh Khắc Mạnh (2012), “Kho sách Hán Nôm Việt Nam tại Đại học Keio ở Tokyo Nhật Bản”, *Tạp chí Hán Nôm*, số 4 (113), tr.81-83.

- [31] Hoàng Phương Mai, Hoàng Ngọc Cương, Phan Thanh Hoàng (2018), *Hoàng Hoa sứ trình đồ*, Nxb Đh Vinh.
- [32] Nguyễn Quảng Minh (2014), “Về năm vẽ một bản đồ cổ ở Hà Nội”, *Tạp chí Nghiên cứu và Phát triển*, số 3-4 (110 – 111), tr. 212 – 234.
- [33] Trần Viết Ngạc (2012), “Thử tìm hiểu các chiến lũy thời Trịnh – Nguyễn phân tranh (1627 – 1672) trên đất Quảng Bình qua các bản đồ cổ”, *Tạp chí Nghiên cứu và Phát triển*, số 6, tr. 17 – 33.
- [34] Trần Nghĩa (1990), “*Bản đồ cổ Việt Nam*”, Bài tham dự Hội thảo *Lịch sử bản đồ Việt Nam, nhân dịp kỷ niệm 500 tập Bản đồ Hồng Đức* do Hội Trắc địa- Bản đồ- Viễn thám Việt Nam. tr.148- 159. tb.1990. *Tạp chí Hán Nôm*, số 2 (9)/1990. Tr.3-10. Tb. 2014. *Tạp chí Nghiên cứu và Phát triển Huế*, số 2 (109)/2014. Tr.7-15.
- [35] Trần Nghĩa (1999), “Thư mục tổng hợp sách Hán Nôm Việt Nam tại bốn tầng thư lớn của Nhật Bản”, *Tạp chí Hán Nôm*, số 1, tr. 70 -99.
- [36] Nhiều tác giả (1975), “Đặc khảo về Hoàng Sa và Trường Sa”, *Tạp chí Sử Địa*, 1975, Nhà sách Khai Trí bảo trợ.
- [37] Nhiều tác giả (2011), *Bằng chứng lịch sử và cơ sở pháp lý: Hoàng Sa, Trường Sa là của Việt Nam*, Nxb Trẻ.
- [38] Nhiều tác giả (2018), *Nghiên cứu tư liệu Hán Nôm của dòng họ Nguyễn Huy ở huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh về biên giới và biển đảo*, Nxb Đh Vinh.
- [39] Tống Văn Lợi (2009), *Hệ thống bản đồ Thăng Long – Hà Nội thế kỷ XV – XIX*, Luận văn Thạc sĩ Việt Nam học, trường ĐH KHXH & NV Hà Nội..
- [40] Trần Hải Lượng (1959), “Bàn về địa giới của thành Thăng Long”, *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*, số 6, tr.77-81.
- [41] Nguyễn Thị Oanh (1994), “Thư mục sách Hán Nôm tại Đông Dương văn khố Nhật Bản”, *Tạp chí Hán Nôm*, số 4, tr. 63 - 77.
- [42] Nguyễn Thị Oanh (2017), “Vài nét về kho sách Hán Nôm của Emile Gaspardone tại Tư Đạo văn khố (Shido bunko) Nhật Bản”, trong Viện Nghiên cứu Hán Nôm, *Nghiên cứu Hán Nôm năm 2017*, Nxb Thế giới, tr. 761-771.
- [43] Lê Phước (1963), “Nhận xét về tập bản đồ Hồng Đức số A. 2499 của Thư viện Khoa học”, *Tạp chí nghiên cứu Lịch sử*, số 54, tr. 27 – 28.
- [44] Pierre Clement, Nathalie Lancret (2003), *Hà Nội - chu kỳ của những đổi thay, hình thái kiến trúc và đô thị*, Nxb Khoa học kỹ thuật.
- [45] Phạm Hoàng Quân (2012a), “Nguyên bản sách *Địa dư đồ khảo*”, *Tạp chí Nghiên cứu và phát triển*, số 7 (96), tr.59 – 64.
- [46] Phạm Hoàng Quân (2012b), “Địa đồ lịch sử Trung Hoa liên quan đến biển Đông Nam Á”, *Tạp chí Nghiên cứu và phát triển*, số 7 (96), tr.65 - 82.
- [47] Phạm Hoàng Quân (2012c), “Về địa danh và vị trí Vạn Lý Trường Sa – Vạn Lý Thạch Đường trên địa đồ hàng hải thời Minh ở thư viện Đại Học Oxford”, *Tạp chí Nghiên cứu và phát triển*, số 8 – 9 (97 - 98), tr.106 – 121.
- [48] Phạm Hoàng Quân (2014a), “Thư tịch cổ Trung Quốc về Hoàng Sa và Trường Sa”, *Hoàng Sa Trường Sa tư liệu & quan điểm của học giả quốc tế*, Nxb Hội nhà văn, tr. 55 – 77.
- [49] Phạm Hoàng Quân (2014b), “Một số tư liệu Hán Nôm về chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa và các vùng biển của Việt Nam ở biển đông – một quyển sách cần xem xét lại”, *Tạp chí Nghiên cứu – Trao đổi*, tr. 64 – 68.
- [50] Phạm Hoàng Quân (2016), *Tập bản đồ hàng hải 1841 ở thư viện Đại học Yale*, Nxb Văn hóa - Văn nghệ.
- [51] Phạm Hoàng Quân (2017), *Xiêm La quốc lộ trình Tập lục*, Nxb Văn hóa - Văn Nghệ.
- [52] Trần Văn Quyến (2011), “Địa danh Hoàng Sa trong *Toản tập Thiên Nam tứ chí lộ đồ thư*”, *Tạp chí Kinh Tế - Xã Hội Đà Nẵng*, số 16 + 17, tr. 81- 83
- [53] Trần Văn Quyến (2013), “Hoàng Sa trong *Quảng Thuận đạo sử tập* của Nguyễn Huy Quỳnh”, *Tạp chí Kinh Tế - Xã Hội Đà Nẵng*, số 41, tr. 47 – 51.
- [54] Trần Đức Anh Sơn (chủ biên) (2014a), *Hoàng Sa Trường Sa tư liệu &*

quan điểm của học giả quốc tế, Nxb Hội nhà văn.

[55] Trần Đức Anh Sơn (2014b), Tư liệu bản đồ chứng minh chủ quyền của Việt Nam đối với Quần đảo Hoàng Sa”, *Tạp chí phát triển Kinh Tế - Xã Hội Đà Nẵng*, số 57, tr. 46 – 57; số 58, tr. 46 – 53.

[56] Trần Đức Anh Sơn (2014c), “Bản đồ *Partie de la Cochinchine* trong bộ *Atlas Universel*. Một tư liệu vô giá chứng minh chủ quyền của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa”, *Tạp chí Phát triển Kinh tế - Xã hội Đà Nẵng*, tr. 54 – 58.

[57] “Một nhầm lẫn cần chấm dứt” (1965), *Tạp chí Nghiên cứu lịch sử*, số 7, tr.43.

[58] Bùi Thiết (1981), “Về tấm bản đồ Thăng Long thời Hồng Đức (thế kỉ XV)”, *Khảo cổ học*, số 3, tr. 62 -70.

[59] Bùi Thiết (1984a), “Sắp xếp các thể hệ bản đồ hiện biết thành Thăng Long thời Lê” *Tạp chí khảo cổ học*, số 4..

[60] Bùi Thiết (1984b), “Phát hiện hàng loạt bản đồ Thăng Long thời Lê” trên *Tạp chí Thông tin Khoa học xã hội*, số 10.

[61] Bùi Thiết (1987), “Thêm một số bản đồ Thăng Long thời Lê (thế kỉ XV – XVIII)”, *Khảo cổ học*, số 1, tr. 67 -77.

[62] Đinh Khắc Thuân (2000), “Sử liệu Trung Quốc về Việt Nam thời nhà Mạc”, *Thông báo Hán Nôm học*, tr. 501 – 507.

[63] Ngô Đức Thọ (2004), “Thăng Long qua tư liệu các bản đồ cổ”, bài tham dự Hội thảo *Hội thảo Nghiên cứu đánh giá các giá trị văn hóa, lịch sử khu di tích Hoàng thành Thăng Long*.. Tháng 7/ 2004.

[64] Ngô Đức Thọ (2008), “Phát hiện mới tư liệu bản đồ cổ về hai quần đảo Hoàng Sa- Trường Sa của Việt Nam”. Website Đảng Cộng Sản Việt Nam 28/2/2008.

[65] Nguyễn Thanh Tùng (2011), “Vài nét về tình hình văn bản *Hoàng Hoa sứ trình đồ* bản của Nguyễn Huy Oánh”, *Tạp chí Hán Nôm*, số 1 (104), tr. 23 -32.

[66] Nguyễn Huy Quýnh, Nguyễn Thanh Tùng, Hoàng Ngọc Cương, Nguyễn Thu Hoài, Lê Hữu Nhiệm (dịch) (2018), *Quảng Thuận đạo sử tập*, Nxb ĐHVinh.

[67] Viện Khảo Cổ học (1962), *Phiên âm và chú giải tập Hồng Đức bản đồ*, Nxb Sài Gòn.

[68] Trần Hải Yến (1994), “Nguyễn Huy Oánh với *Hoàng Hoa sứ trình đồ*”, *Tạp chí Văn học*, số 4

[69] Trần Đại Vinh – Trần Viết Ngạc (2014), “Thiên Nam tứ chí lộ đồ thư và Giáp Ngọ niên bình Nam đồ”, *Tạp chí Nghiên cứu và Phát triển*, số 2. tr. 3 -116.

[70] Phạm Thùy Vinh (2019), “Về văn bản sách giáo khoa *Khải đồng thuyết ước* thời Nguyễn và bản đồ vẽ quần đảo Hoàng Sa của Việt Nam”, *Tạp chí Hán Nôm*, số 2, tr. 3-18.

[71] Trần Hoàng Vũ (2019), “Khẩn hoang và tri tạo kiến văn địa lý - trường hợp Tri Tôn”, *Nghiên cứu Sử địa An Giang*, truy cập tại <https://sites.google.com/site/vhlsangiang/cac-bai-nghien-cuu/kh%E1%BA%A9n-hoang-v%C3%A0-tri-t%E1%BA%A1o-ki%E1%BA%BFn-v%C4%83n-%C4%91%E1%BB%8Ba-l%C3%BD-tr%C6%B0%E1%BB%9Dng-h%E1%BB%A3p-tri-t%C3%B4n>, ngày 05/10/2022

[72] Whitmore, John K. (2019), Ngành bản đồ Việt Nam, (Hoàng Ứng Huyền dịch) *Tạp chí Nghiên cứu và Phát Triển*, 2019, số 2 (154), tr .113 - 154

Nhóm tài liệu ngôn ngữ khác

[1] Dư Định Quốc (tác giả), Khương Đạo Chương (dịch) (2006), 余定國 (著),姜道章(译)《中国地图学史》,北京大学出版社,页8-9.

[2] Khương Đạo Chương (1998), 姜道章,《论传统中国地图学的特征》,《自然科学史研究》,第3期, 页265.

[3] Vu Hướng Đông, Thành Tư Giai (2016), 于向东,成思佳《郑若曾与安南图说略论》,《中国边疆史地研究》· 期3, 页 96 -111.

[4] Hàn Chiêu Kính, Quách Thanh Ba (2015), 韩周敬 - 郭声波《越南洪德版圖

製作年代考》，域外漢籍研究集刊，第十一輯，頁 203 – 214.

[5] Trịnh Vĩnh Thường (2019), 鄭永常, 《明清東亞舟師秘本耶魯航海圖研究》.

[6] Anderson, Benedict (1983/2006), *Imagined Communities: Reflections on the Origin and Spread of Nationalism*. London- New York: Verso.

[7] Dumoutier M. G. (1896), *Étude sur un portulan Annamite du XV siècle*, Paris Imprimerie Nationale.

[8] Duara, Prasenjit (1995), “Thongchai Winichakul - Siam Mapped: A History of the Geo-Body of a Nation”. *The American Historical Review*, Vol. 100, No. 2 (Apr., 1995), Oxford University Press, pp. 477.

[9] Harold E. Meinheit (2016), “The Bishop’s Map Vietnamese and Western Cartography Converge”, *The Portolan*, pps. 28-40.

[10] Harold E. Meinheit (2006), “Unveiling Vietnam: The Maps of Alexandre de Rhodes” *The Portolan*, pps 28-41.

[11] Kelley, L.C. (2016), “From a Reliant Land to a Kingdom in Asia: Premodern Geographic Knowledge and the Emergence of the Geo-Body in Late

Imperial Vietnam” *Cross-Currents: East Asian History and Culture Review* 5.2, pps 460-496.

[12] Thongchai Winichakul (1995), *Siam Mapped: A History of the Geo-Body of a Nation*.

[13] L.J. Tabert (1838), *An Nam đại quốc họa đồ 安南大國畫圖* (Tabula Geographica Imperii Anamitici), in *Dictionarium Anamitico- Latinum* (南越洋合字彙 Nam Việt Dương hiệp tự vị), Frederrichnagori Vulgo Serampore.

[14] Momoki Shiro (2010), “Nation and Geo-Body in Early Modern Vietnam: A Preliminary Study through Sources of Geomancy”. In: *Southeast Asia in the Fifteenth Century: The China Factor*. Edited by G. Wade & L. Sun. Singapore: National University of Singapore Press, pps 126-153.

[15] Whitmore, John K. (1994), “Cartography in Vietnam” In: J.B. Harley and David Woodward eds, *The History of Cartography, Volume 2, Book 2: Cartography in the Traditional East and Southeast Asian Societies*, Illinois: University of Chicago Press, pps 478 – 508, 490-491.